TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-PT
Ngày 16 - 7 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp con chung; Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Viết K, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Đường H, tổ 22, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Đường H, tổ 22, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thúy D, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Viết K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thúy D kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không có sự quan tâm nhau cả hai không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, ông đã hai lần làm đơn xin ly hôn đến Tòa án và được hòa giải. Sau đó, ông đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng từ khi rút đơn đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và không thể khắc phục được. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và không tiếp cuộc hôn nhân nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 03 con chung gồm Trần Nguyễn Xuân A, sinh ngày 18/02/2007, Trần Viết An B, sinh ngày 05/01/2012 và Trần Viết An C, sinh ngày 10/10/2015. Ly hôn, ông có nguyện vọng giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng 03 con cho đến khi các con chung trưởng thành. Ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận bà và ông Trần Viết K kết hôn vào 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Trong quá trình chung sống, bà thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, một phần là do ông K có người khác bên ngoài, không có trách nhiệm với gia đình. Tuy nhiên bà vẫn còn yêu thương ông K nên bà không đồng ý ly hôn và bà có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con trưởng thành.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 03 con chung gồm Trần Nguyễn Xuân A, sinh ngày 18/02/2007, Trần Viết An B, sinh ngày 05/01/2012 và Trần Viết An C, sinh ngày 10/10/2015. Trường hợp nếu phải ly hôn, thì bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con cho đến khi các con trưởng thành và yêu cầu ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Với nội dung nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 213, 246, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"* của ông Trần Viết K đối với bà Nguyễn Thị Thúy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Viết K, sinh năm: 1980 được hôn với bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm: 1980.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44, ngày 11/4/2006 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao cho bà Nguyễn Thị Thúy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung Trần Nguyễn Xuân A, sinh ngày 18/02/2007, Trần Viết An B, sinh ngày 05/01/2012 và Trần Viết An C, sinh ngày 10/10/2015 cho đến khi các con trưởng thành.

Ông Trần Viết K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/03 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/4/2024 và ngày 09/4/2024, bà Nguyễn Thị Thúy D nộp đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trần Nguyễn Xuân A. Lý do cháu A bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là không đảm bảo quyền lợi của cháu A, vì vậy bà đề nghị cấp phúc thẩm quan tâm bảo vệ quyền lợi cho bà và cháu A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngày 02/4/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy D về cấp dưỡng nuôi con thì thấy:

[2] Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông K có ba con chung Trần Nguyễn Xuân A, sinh ngày 18/02/2007, Trần Viết An B sinh ngày 05/01/2012 và Trần Viết An C sinh ngày 10/10/2015. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/3/2024, giữa bà D và ông K tự nguyện thỏa thuận giao ba con cho bà D nuôi dưỡng và ông K cấp dưỡng nuôi ba con mỗi tháng 10 triệu đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà D và ông K đều trình bày với Tòa án cấp sơ thẩm về tình trạng cháu Trần Nguyễn Xuân A bị khuyết tật nghe và đang hưởng trợ cấp của xã hội, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ về việc cháu A bị khuyết tật và đang hưởng trợ cấp xã hội là thiếu sót. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi ba con mỗi tháng 10 triệu đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là không đảm bảo quyền lợi của cháu A. Đồng thời quyết định mức cấp dưỡng

chung 10.000.000 đồng hàng tháng cho ba con sẽ không đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] HĐXX xét thấy: Cháu A bị khuyết tật nghe ở mức độ nặng từ khi mới sinh ra và được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cho đến khi cháu có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, bà D và ông K thỏa thuận, ông K cấp dưỡng nuôi mỗi con Trần Viết An B và Trần Viết An C mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi con Trần Nguyễn Xuân A mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu A có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Về thời gian cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không thỏa thuận được nên HĐXX buộc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng như quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà D, sửa án sơ thẩm về mức cấp dưỡng và thời hạn cấp dưỡng nuôi con, buộc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con Trần Viết An B và Trần Viết An C mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi con Trần Nguyễn Xuân A mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu A có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng kể từ tháng 7 năm 2024.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà D, buộc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con Trần Viết An B và Trần Viết An C mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi con Trần Nguyễn Xuân A mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu A có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng kể từ tháng 7 năm 2024. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của ông K và bà D tại phiên tòa về việc ông K cấp dưỡng nuôi con nhưng không buộc ông K chịu án phí cấp dưỡng là thiếu sót, do đó HĐXX cấp phúc thẩm buộc ông K phải chịu án phí về cấp dưỡng là 300.000 đồng theo quy định tại

điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bà D không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 110, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy D.

2. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận L về con chung như sau:

Về con chung: Giao các con Trần Nguyễn Xuân A, sinh ngày 18/02/2007, Trần Viết An B sinh ngày 05/01/2012 và Trần Viết An C sinh ngày 10/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Viết K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Viết An B và Trần Viết An C mỗi tháng mỗi con là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Trần Viết Khánh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Nguyễn Xuân A mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu A có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Thời gian ông Trần Viết K cấp dưỡng nuôi các con vào ngày 10 hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các

bên có quyền làm đơn thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về cấp dưỡng nuôi con ông Trần Viết K phải chịu là 300.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thúy D không chịu. Hoàn trả cho bà Diệp 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 000583 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND quận L;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thái Thị Phi Yến